

QUYỀN CỦA PHỤ NỮ VÀ VAI TRÒ CỦA TÒA ÁN TRONG BẢO VỆ QUYỀN CỦA PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG¹⁾

Tóm tắt: Bảo vệ quyền con người nói chung, bảo vệ quyền của phụ nữ nói riêng luôn thu hút sự tham gia của các thiết chế xã hội, đặc biệt Tòa án là thiết chế quan trọng trong bảo vệ các quyền khi chúng bị xâm hại. Bài viết trình bày các đặc tính cơ bản của quyền phụ nữ, đồng thời phân tích vị trí, vai trò của Tòa án trong bảo vệ quyền của phụ nữ Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Quyền phụ nữ; quyền con người; bảo vệ quyền; bảo đảm công lý; chức năng xét xử

Abstract: Protecting human rights in general and women's rights in particular always attract the involvement of social institutions, especially the court - an important institution in protecting violated rights. This article presented fundamental features of women's rights and the role of the court in protecting women's rights in Vietnam.

Keywords: Women's right; human right; right protection; justice protection; judgment

Ngày nhận bài: 12/4/2020; Ngày sửa bài: 28/4/2020; Ngày duyệt đăng bài: 7/5/2020.

Dẫn nhập

Trong các cơ chế bảo vệ quyền con người, Tòa án giữ một vai trò vô cùng quan trọng xuất phát từ vai trò, vị trí và chức năng của Tòa án trong bộ máy nhà nước. Tòa án nhân dân nhân danh nhà nước đưa ra các phán quyết để quyết định trực tiếp tới sinh mệnh, chính trị, kinh tế của con người cụ thể, do đó, đóng vai trò vô cùng quan trọng và trực tiếp trong việc bảo đảm các quy định về quyền con người không bị xâm phạm. Vai trò, vị trí quan trọng của Tòa án đối với việc bảo vệ, bảo đảm quyền của phụ nữ tại Việt Nam cho thấy giá trị ngày càng tăng của thiết chế này trong bảo vệ quyền.

1. Các đặc tính cơ bản của quyền phụ nữ tại Việt Nam

Thuộc tính cơ bản của quyền phụ nữ bao gồm những giá trị gắn với mỗi người

phụ nữ, vừa với tư cách là con người vừa với tư cách là cá nhân thành viên xã hội. Khi gắn liền với một nhà nước cụ thể, với một chế độ chính trị, pháp luật cụ thể thì giá trị đó được thể hiện bằng các quyền của phụ nữ được pháp luật của nhà nước đó ghi nhận và có tính phổ cập trong xã hội. Tuy quyền của phụ nữ có những thuộc tính của quyền con người nói chung nhưng do đặc trưng giới của phụ nữ mà quyền của họ cũng có những thuộc tính riêng. Cho đến nay, chưa có định nghĩa nào bao hàm hết được tất cả các thuộc tính của quyền phụ nữ.

Trong luật nhân quyền quốc tế, kể từ

¹⁾ ThS., Phòng Giám đốc kiểm tra II - Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.
Email: phuong.melody74@gmail.com.

Hiến chương Liên Hợp Quốc năm 1945 bắt đầu đưa ra khẳng định về quyền của phụ nữ "... bình đẳng về quyền giữa phụ nữ và đàn ông..." và tại Điều 1, Điều 2 "Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người" năm 1948 khẳng định nguyên tắc nền tảng bảo vệ cho quyền phụ nữ: "Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và các quyền, đều được tạo hoá ban cho lý trí và lương tâm, và cần phải đối xử với nhau bằng tình anh em". Từ đó cho đến nay, có rất nhiều những tuyên ngôn, công ước quốc tế tiếp tục khẳng định và phát triển những ghi nhận mở rộng quyền cho phụ nữ nhưng vẫn chưa có một khái niệm thống nhất về quyền của phụ nữ.

Ở Việt Nam, từ thời phong kiến và thuộc địa thì người phụ nữ hầu như không có bất cứ quyền lợi nào về kinh tế, chính trị và văn hóa. Đến thế kỷ 19, với ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng dân chủ trên thế giới, các tác phẩm về nữ quyền của các nhà tư tưởng lớn qua nhiều con đường khác nhau đã được các trí thức Việt Nam tiếp thu và phổ biến đã dần phát triển nhận thức của xã hội về vấn đề nữ quyền và bình đẳng nam nữ. Cho đến cuối thập niên 1920, ở Việt Nam bắt đầu xuất hiện các cuốn sách viết về nữ quyền và bình đẳng nam nữ của các tác giả Việt Nam. Năm 1928, tác giả Đặng Văn Bảy (1903-1983) đã xuất bản cuốn sách "Nam nữ bình quyền" là cuốn sách chuyên khảo đầu tiên về vấn đề bình đẳng nam nữ ở Việt Nam¹ phản ánh bức cảnh xã hội và văn hóa, nhận thức về tư tưởng nữ quyền và bình đẳng nam nữ trong xã hội. Năm 1929, Dục Tân thư xã ở Huế xuất bản cuốn "Vấn đề phụ nữ" của

Phan Bội Châu (1867-1940) nhân mạnh quyền của phụ nữ với tư cách là con người, là dân của một nước và gắn với thực tế lịch sử đất nước.

Sang những năm 1930, ảnh hưởng của văn hóa phương Tây trong xã hội Việt Nam càng trở nên sâu rộng hơn, khái niệm nữ quyền được mở rộng ra với đầy đủ nội dung: quyền học tập, quyền làm việc và quyền chính trị của phụ nữ. Đấu tranh với những quan niệm sai lầm trong việc nhận thức các vấn đề về nữ quyền và giải phóng phụ nữ trên các báo, các bộ sách với nhiều tác giả nổi tiếng như: Nguyễn Thị Kim Anh²; Cựu Kim Sơn³; Văn Huệ⁴ góp phần tuyên truyền hướng dẫn nhiệm vụ, cách tổ chức và làm việc, mục tiêu đấu tranh... cho phụ nữ, đồng thời, vận động giải phóng phụ nữ gắn với việc giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội chủ nghĩa để mang lại tự do và bình đẳng cho phụ nữ.

Thời kỳ 1941-1945, với sự ra đời của Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) năm 1941, một trong mười chương trình lớn của Việt Minh là "nam nữ bình quyền", Hội phụ nữ cứu quốc nằm trong hệ thống tổ chức của Mặt trận. Cách mạng tháng Tám thành công, tại Điều 1 của bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 ghi

¹ Đặng Văn Bảy (1928), *Nam nữ bình quyền*, Nhà in Tam Thuận, Du Kien, Sài Gòn.

² Nguyễn Thị Kim Anh (1939), *Vấn đề phụ nữ*, Nxb. Nhân dân Chợ Lớn.

³ Cựu Kim Sơn, Văn Huệ (1939), *Đem cha em*, Nxb. Dân Chúng.

⁴ Cựu Kim Sơn, Văn Huệ (1939), *Chợ em phố em gì*, Nxb. Dân Chúng.

nhận: "Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo" và tại Điều 9 của Hiến pháp khẳng định: "Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện" đánh dấu một bước tiến quan trọng của toàn thể phụ nữ Việt Nam trên con đường đấu tranh vì quyền con người và quyền phụ nữ. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng giai cấp gắn liền với giải phóng phụ nữ, Người nhấn mạnh: "Phụ nữ chiếm một nửa nhân loại, nói đến phụ nữ là nói đến một nửa xã hội. Nếu phụ nữ chưa được giải phóng thì xã hội chưa được giải phóng. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng xã hội chủ nghĩa chỉ một nửa". Vì thế, những quy định đầu tiên về quyền bình đẳng của phụ nữ trong bản Hiến pháp năm 1946 có ý nghĩa hết sức to lớn góp phần vào sự nghiệp giải phóng phụ nữ trong lịch sử lập hiến Việt Nam, phá tan xiềng xích tư tưởng "trọng nam khinh nữ" của chế độ phong kiến, thực dân trước đó. Với những quy định trong bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam đã mở đường cho tư tưởng nam nữ bình đẳng về quyền lợi trên mọi phương diện của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và đã trở thành tư tưởng chủ đạo cho các bản Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 về quyền của phụ nữ.

Trong Hiến pháp năm 2013, quyền con người, quyền công dân nói chung và quyền phụ nữ nói riêng đã được khẳng định ở tầng cao hơn, theo đó, quyền của phụ nữ là một bộ phận cấu thành và không thể

tách rời của quyền con người, quyền công dân và được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế cho tới văn hóa, xã hội. Các quyền này được pháp luật và toàn thể xã hội thừa nhận, tôn trọng và bảo vệ. Điều 26 Hiến pháp Việt Nam năm 2013 quy định "Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới". Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về bình đẳng giới, tại Điều 5 Luật Bình đẳng giới định nghĩa: "Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó", và Điều 6 Luật Bình đẳng giới khẳng định: "1. Nam, nữ bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình; 2. Nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới". Tuy Luật Bình đẳng giới không chỉ ra thế nào là quyền của phụ nữ nhưng đã đưa ra những nguyên tắc và biện pháp để thực hiện bình đẳng giới.

Ở góc độ xã hội học, nhà nghiên cứu Hoàng Bá Thịnh quan niệm nữ quyền được hiểu là "đấu tranh cho quyền bình đẳng của phụ nữ"⁽⁶⁾. Còn trong hệ thống văn bản pháp luật của nhà nước ta thì quyền của phụ nữ được quy định trên cơ sở những quyền con người, quyền công dân nói chung nhưng có sự xem xét những yếu tố về tâm sinh lý của giới nữ, quan điểm về thuần phong mỹ tục, về văn hoá

⁽⁶⁾ Hoàng Bá Thịnh (2005, tái bản 2014). *Giáo trình Xã hội học giới*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 85.

nữ trong thực tế bao gồm cả việc bảo đảm và bảo vệ nó. Nhà nước bảo đảm quyền của phụ nữ bằng việc tạo ra các điều kiện thuận lợi về chính trị, kinh tế, xã hội, pháp luật văn hóa giáo dục để quyền của phụ nữ được thực hiện. Bên cạnh đó, để bảo vệ quyền của phụ nữ thì Nhà nước và xã hội thông qua pháp luật hành động chống lại những hành vi xâm hại đến quyền phụ nữ. Sự xâm phạm đến quyền phụ nữ chủ yếu từ phía cá nhân trong xã hội nhưng cũng có khi là từ chính cơ quan công quyền với những mức độ khác nhau, cao nhất là hành vi tội phạm.

Khi có hành vi xâm phạm quyền của phụ nữ, đôi khi phải có cơ chế bảo vệ cụ thể với mục đích cuối cùng là thực hiện quyền của phụ nữ trong thực tiễn. Cho đến nay, tuy quyền của phụ nữ đã được pháp luật của tất cả các quốc gia ghi nhận ở mức độ khác nhau, nhưng để các quyền đó được bảo vệ trong thực tế cần có những cơ chế cụ thể, bao gồm cơ chế bảo vệ quyền phụ nữ mang tính nhà nước và cơ chế bảo vệ quyền phụ nữ mang tính xã hội và cơ chế xã hội. Tuy có nhiều cơ chế bảo vệ quyền của phụ nữ khác nhau nhưng với vai trò là cơ quan thực hiện quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền thì Tòa án là cơ chế hữu hiệu nhất trong việc bảo vệ quyền của phụ nữ. Cơ chế bảo vệ quyền của phụ nữ bằng Tòa án chính là cách thức, phương thức mà Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật thực hiện việc xử lý các hành vi xâm phạm đến quyền phụ nữ và giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền phụ nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây là cơ chế pháp lý bảo

vệ quyền của phụ nữ và khác với cơ chế bảo vệ quyền của phụ nữ bằng con đường hành chính, hay cơ chế bảo vệ xã hội.

3.2. Đặc điểm của việc bảo vệ quyền của phụ nữ thông qua cơ chế Tòa án

Do bản chất, chức năng, nhiệm vụ, vai trò và vị trí của Tòa án mà cơ chế Tòa án bảo vệ quyền của phụ nữ có những đặc điểm sau:

- *Cơ chế Tòa án bảo vệ quyền của phụ nữ được các Tòa án áp dụng đối với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.*

Quyền xét xử (Jurisdiction) là một quyền lực mà chỉ Tòa án mới có, được pháp luật các quốc gia đều quy định rõ ràng. Thông qua hoạt động xét xử, Tòa án xét hỏi làm rõ tranh chấp hoặc hành vi vi phạm và đưa ra phán quyết trên cơ sở pháp luật hình sự, dân sự, kinh doanh thương mại, lao động và các quy định pháp luật khác. Là bộ phận trọng yếu hợp thành của quyền lực nhà nước, Tòa án là cơ quan duy nhất nhân danh Nhà nước thực hiện quyền tư pháp quốc gia, tiến hành các hoạt động xét xử nhằm mục tiêu bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Tòa án là nơi người dân gửi gắm niềm tin rằng bất kỳ vi phạm pháp luật nào cũng bị xử lý nghiêm minh, bất kỳ quyền hoặc lợi ích hợp pháp nào của con người, của công dân bị xâm phạm đều được bảo vệ theo đúng pháp luật, công bằng và khách quan. Đối với một cơ quan tư pháp độc lập thì mọi thực thể xã hội có yếu tố con người vật chất đều là đối tượng điều chỉnh của nó, đó là cá thể công dân và các quan hệ của họ, là các tổ chức chính

trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... và là bản thân nhà nước với các cơ quan cũng như con người cụ thể trong bộ máy này. Theo Montesquieu, “*công lý không thể có được trong một xã hội mà cơ quan tư pháp phải phục tùng sự chuyên quyền, lạm quyền của bộ máy quyền lực nhà nước*”¹¹). Trong bất cứ nhà nước dân chủ thì không một lĩnh vực nào của cuộc sống bị loại trừ ra khỏi vòng xét xử của Tòa án.

Ở Việt Nam, Tòa án nhân dân là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, có nhiệm vụ đứng ra làm trọng tài giải quyết các tranh chấp hoặc xử lý hành vi vi phạm pháp luật, đảm nhận nhiệm vụ “bảo vệ công lý”. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 xác định Tòa án có vị trí trung tâm trong công tác tư pháp và xét xử là hoạt động trọng tâm của Tòa án. Nghị quyết 49-NQ/TW cũng yêu cầu: “*Các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm*”.

- *Cơ chế bảo vệ quyền của phụ nữ bằng Tòa án được thực hiện thông qua con đường tố tụng.*

Tố tụng là toàn bộ trình tự, thủ tục giải quyết một vụ án tại Tòa án, bao gồm tố tụng hình sự và tố tụng phi hình sự (tố tụng dân sự, tố tụng hành chính...). Ở nước ta, Tòa án là cơ quan xét xử nhân danh nhà nước thực hiện quyền tư pháp, vị trí, chức năng của Tòa án được hiện định tại Khoản 1 Điều 102 Hiến pháp năm

2013. Địa vị pháp lý hiến định của Tòa án là cơ sở cho việc xác định địa vị pháp lý tố tụng của Tòa án, theo đó, địa vị pháp lý tố tụng là điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện trên thực tế vai trò và vị trí hiến định của Tòa án. Ngược lại, chỉ khi vị trí hiến định của Tòa án được bảo đảm bởi những quy định chặt chẽ và đầy đủ về tố tụng thì Tòa án mới có thể hoàn thành sứ mệnh của mình là cân cân công lý, là chỗ dựa cho người dân khi bị xâm phạm quyền.

Khi quyền của người phụ nữ bị xâm phạm, quy trình bảo vệ họ có thể là hoạt động tố tụng hình sự có sự tham gia của nhiều cơ quan qua nhiều giai đoạn khác nhau hoặc là hoạt động tố tụng của Tòa án giải quyết tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động... Dù quy trình bảo vệ nào, bằng con đường tố tụng nào thì điểm cuối cùng của cơ chế bảo vệ quyền phụ nữ vẫn là hoạt động tố tụng của Tòa án nhằm ra phán quyết đối với hành vi vi phạm và đảm bảo thi hành phán quyết đó. Người phụ nữ có quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm thì theo thủ tục tố tụng dân sự họ được khởi kiện vụ án dân sự, vụ án lao động, vụ án hôn nhân và gia đình để yêu cầu Tòa án bảo vệ hoặc nếu bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm thì theo thủ tục tố tụng hình sự Tòa án sẽ xét xử và ra phán quyết nhằm xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi xâm phạm đến người phụ nữ. Trong phạm vi chức năng của mình Tòa án có nhiệm vụ bảo vệ tính

¹¹ “*Độc lập tư pháp*” là điều kiện quyết để Tòa án nhân dân thực hiện nhiệm vụ “bảo vệ công lý”, <http://tgc.hcmussh.edu.vn/?ArticleId=c1b0aa3a-38a2-4856-82fd-5fd55af8c7c6>

mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của người phụ nữ. Chỉ có Tòa án, trên cơ sở hồ sơ vụ án thu thập được và căn cứ quy định của pháp luật, đồng thời tuân theo những trình tự thủ tục tố tụng mới có thẩm quyền ra bản án, quyết định áp dụng hình phạt hoặc chế tài đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật. Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng.

- Cơ chế bảo vệ quyền của phụ nữ bằng Tòa án là cơ chế pháp lý

Việc quy định tổ chức, thẩm quyền, quy tắc vận hành của hệ thống Tòa án, cách hành xử của nhân viên tư pháp và Thẩm phán; quyền, nghĩa vụ của các chủ thể tham gia vào cơ chế này đều do pháp luật quy định và đảm bảo thực hiện. Theo đó, "cơ chế pháp lý" có thể hiểu khái quát là cơ chế tổ chức hoạt động của một hệ thống tổ chức, thiết chế chính trị, kinh tế xã hội được đảm bảo bằng pháp luật.

Khi xem xét cơ chế hoạt động của Tòa án, có thể xem xét cả khía cạnh pháp lý và khía cạnh xã hội, đó là hệ thống các phương tiện (biện pháp) và nhân tố bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động của Tòa án. Tuy nhiên, khi đề cập đến hoạt động xét xử của Tòa án nhằm giải quyết các tranh chấp bảo vệ cho quyền lợi của người phụ nữ bị xâm phạm hoặc xét xử hành vi vi phạm pháp luật đối với phụ nữ thì đó là cơ chế pháp lý. Cơ chế hoạt động của Tòa án là phương thức tổ chức và phương thức vận hành của hệ thống Tòa án theo những nguyên tắc, qui định của pháp luật và những phương tiện pháp lý

khác, thông qua đó tác động đến các chủ thể có vi phạm hoặc xâm phạm quyền của phụ nữ nhằm bảo đảm công lý, khôi phục quyền cho người phụ nữ bị xâm phạm và ngăn ngừa sự vi phạm quyền của họ. Theo đó, yếu tố quan trọng cấu thành cơ chế pháp lý bảo vệ quyền của phụ nữ bằng Tòa án là phương thức tổ chức hệ thống Tòa án. Phương thức tổ chức hệ thống Tòa án bao gồm toàn bộ phương pháp và cơ cấu tổ chức hoạt động của hệ thống Tòa án. Bên cạnh đó, hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh tổ chức và vận hành của toàn bộ hệ thống Tòa án nhằm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án và trong hoạt động của từng Tòa án cụ thể cũng là yếu tố quan trọng trong cấu thành cơ chế pháp lý bảo vệ quyền của phụ nữ bằng Tòa án. Yếu tố này có tính chất "là môi trường pháp lý" ràng buộc từng cơ quan Tòa án và hệ thống Tòa án hoạt động trong khuôn khổ pháp luật.

Đề Tòa án thực sự là cơ quan độc lập, khoản 2 Điều 103 Hiến pháp năm 2013 quy định: "*Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm*". Trên cơ sở các nguyên tắc hoạt động cơ bản của Tòa án được quy định tại Điều 103 của Hiến pháp, Điều 5 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 đã cụ thể hóa đầy đủ và bổ sung thêm nguyên tắc có tính chất đặc thù trong tổ chức và hoạt động của Tòa án là "*Các Tòa án nhân dân được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử*". Khi nghiên cứu về Hiến pháp nước

ngoài, chúng ta có thể bắt gặp quy định về nguyên tắc độc lập xét xử trong Hiến pháp của khá nhiều quốc gia⁽¹²⁾. Ví dụ như Hiến pháp Nhật Bản năm 1946 tại Điều 76 có quy định: “*Tất cả Thẩm phán phải được độc lập trong khi thực thi quyền hạn của mình mà chỉ phải tuân thủ Hiến pháp và các luật*”; Điều 249 Hiến pháp Thái Lan năm 1997 quy định: “*Thẩm phán độc lập trong xét xử phù hợp với Hiến pháp và pháp luật*”; hay như trong Hiến pháp năm 1998 của Quốc gia Fiji, tại Điều 118 nêu rõ: “*Các Thẩm phán của Nhà nước độc lập với các nhánh lập pháp và hành pháp của Chính phủ*”.

- Cơ chế bảo vệ quyền của phụ nữ bằng Tòa án chính là cơ chế hoạt động của hệ thống Tòa án được quy định bằng hệ thống quy phạm pháp luật về tổ chức và hoạt động của các Tòa án..

Đây là đặc điểm khác với cơ chế bảo vệ quyền của phụ nữ bằng con đường hành chính hay bằng hoạt động của các tổ chức xã hội. Nếu nhánh quyền lực lập pháp và hành pháp được tổ chức và vận hành nhằm đảm bảo cho hoạt động của hệ thống công quyền thì Tòa án với nguyên tắc tổ chức vận hành nhằm đảm bảo bản chất, đặc thù của cơ quan này là hoạt động độc lập, ngăn ngừa sự xâm hại trái pháp luật đến quyền con người, quyền của phụ nữ. Thông thường, khi có sự xâm phạm quyền phụ nữ từ phía cá nhân trong xã hội thì Tòa án sẽ là cơ quan có chức năng giải quyết tranh chấp, xử lý tội phạm để bảo vệ quyền của phụ nữ, đảm bảo thực thi công lý. Tuy nhiên, cũng không loại trừ trường hợp từ hoạt động của các cơ quan

nhà nước, thông qua các quyết định hành chính, hành vi hành chính xâm phạm đến quyền của người phụ nữ mà khi đó thông qua cơ chế Tòa án giải quyết các vụ án hành chính thì quyền của phụ nữ được bảo vệ. Như vậy, dù cho việc bảo vệ quyền của phụ nữ đặt ra khi có sự xâm phạm từ cá nhân trong xã hội hay từ phía công quyền thì Tòa án cũng là cơ quan duy nhất có thẩm quyền giải quyết tranh chấp mà mục đích xử lý tội phạm, giải quyết tranh chấp đạt được công lý và bảo vệ được quyền của phụ nữ khi vấn đề độc lập xét xử của Tòa án được đảm bảo.

Ở Việt Nam hiện nay, tại khoản 1 Điều 102 Hiến pháp năm 2013 khẳng định về quyền tư pháp: “Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp” và Điều 130 Hiến pháp quy định về sự độc lập của Tòa án: “Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập, và chỉ tuân theo pháp luật”. Bên cạnh quy định của Hiến pháp, những cơ chế, chính sách khác cũng được quy định nhằm đảm bảo cả về thể chế luật pháp và chủ trương, chính sách để Tòa án có thể thực hiện quyền xét xử độc lập trong thực tế. Trước nhiệm vụ phát triển, bảo vệ đất nước và yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền trong giai đoạn mới, nhà nước ta đang thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm

⁽¹²⁾ “Những điểm mới trong chế định Tòa án nhân dân trong Hiến pháp 2013”. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, 21/12/2015. <http://web.ficm.law.edu.vn/tbantruong/index.php/tan-tru-sinh-vien/khac/70-sv-khpl-mh-ng-di-m-m-i-trang-gh-d-mh-cao-an-nhan-dan-trong-hi-s-phap-2013>

2020, lấy Tòa án trung tâm, xét xử làm trọng tâm và lấy tranh tụng làm khâu đột phá. Nham xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Tòa án, thể hiện đúng quan điểm "quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp" thì tổ chức của hệ thống Tòa án đang được dần cải tiến theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính.

Kết luận

Hoạt động xét xử của Tòa án nhân danh quyền lực nhà nước, nhân danh công lý để ra phán quyết đối với hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người phụ nữ. Bản án, quyết định của Tòa án được tuyên trên cơ sở pháp luật có tính chất bắt buộc cá nhân, tổ chức hay nhà nước phải thực hiện nghĩa vụ pháp lý nhằm bảo đảm cho các quyền của phụ nữ được tôn trọng và thực hiện trong đời sống xã hội. Hoạt động xét xử của Tòa án nhằm trừng phạt những hành vi vi phạm quyền của phụ nữ, khôi phục lại những quyền của phụ nữ đã bị hạn chế, tước đoạt và hoạt động xét xử của Tòa án được thực hiện theo trình tự, thủ tục pháp luật tổ tụng tư pháp mang tính quyền lực cưỡng chế mạnh mẽ. Thông qua hoạt động xét xử, Tòa án khẳng định tính hợp pháp của hành vi hoặc quyết định các chế tài pháp lý đối với hành vi xâm phạm quyền của phụ nữ. Những quy định tổ tụng bắt buộc thực hiện có tác dụng giống như một tấm lá chắn nhằm ngăn cản sự xâm phạm

của bên có quyền, có sức mạnh đối với những phụ nữ yếu thế, bảo đảm cho họ thực hiện quyền tiếp cận công lý. Xuất phát từ những lý do này, vai trò của Tòa án trong việc bảo vệ quyền con người tại nước ta ngày càng được đề cao, đặc biệt là trong bối cảnh thực thi Hiến pháp 2013. Hiến pháp của nhân quyền và pháp quyền.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Kim Anh (1938), *Vấn đề phụ nữ*. Nxb. Thân dân Chợ Lớn.
2. Đặng Văn Bảy (1928), *Nam nữ bình quyền*, Nhà in Tam Thanh, Đa Kao, Sài Gòn.
3. Cựu Kim Sơn, Văn Huệ (1938), *Đời chị em*, Nxb. Dân Chúng.
4. Cựu Kim Sơn, Văn Huệ (1938), *Chị em phải làm gì*, Nxb. Dân Chúng.
5. Hoàng Bá Thịnh (2008, tái bản 2014), *Giáo trình xã hội học giới*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Đại học Quốc gia Hà Nội (2009), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. UNICEF và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2002), *Quyền trẻ em (tài liệu phục vụ giảng dạy, tuyên truyền về quyền trẻ em)*.
8. Võ Khánh Vinh, Lê Mai Thanh (2014), *Pháp luật quốc tế về quyền con người (Giáo trình sau đại học)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Như Ý (Chủ biên, 2003), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội.